Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8443.99.90

Mã HS	8443.99.90
Mô tả hàng hóa	Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 18:55:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84439990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13928
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13928
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13928
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13243
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13184
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13184
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13184
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13184
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13184
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13184
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13238
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13238
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13238
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13238

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13238
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13238
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13239
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13239
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13239
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13239
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13239
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13239
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13242
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13190
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13198
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13198
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13198
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13198
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13198
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13198
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13229
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13229
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13229
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13229
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13229
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13229
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13278
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13278
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13278
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13278

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13278
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13278
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13261
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13261
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13261
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13261
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13261
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13261
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13261
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13261
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13261
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13261
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13261
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13261
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13276
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13276
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13276
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13276
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13276
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13276
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13275
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13275
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13275
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13275
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13275
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13275

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13255
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13255
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13255
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13255
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13255
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13255
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13255
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13263
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13263
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13263
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13263
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13263
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13263
RCEP B	2022	2022	0	B!D13263
RCEP B	2023	2023	0	B!E13263
RCEP B	2024	2024	0	B!F13263
RCEP B	2025	2025	0	B!G13263
RCEP B	2026	2026	0	B!H13263
RCEP B	2027	2027	0	B!I13263
RCEP C	2022	2022	0	C!D13263
RCEP C	2023	2023	0	C!E13263
RCEP C	2024	2024	0	C!F13263
RCEP C	2025	2025	0	C!G13263
RCEP C	2026	2026	0	C!H13263
RCEP C	2027	2027	0	C!I13263
RCEP D	2022	2022	0	D!D13262

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13262
RCEP D	2024	2024	0	D!F13262
RCEP D	2025	2025	0	D!G13262
RCEP D	2026	2026	0	D!H13262
RCEP D	2027	2027	0	D!I13262
RCEP E	2022	2022	0	E!D13266
RCEP E	2023	2023	0	E!E13266
RCEP E	2024	2024	0	E!F13266
RCEP E	2025	2025	0	E!G13266
RCEP E	2026	2026	0	E!H13266
RCEP E	2027	2027	0	E!I13266
RCEP F	2022	2022	0	F!D13263
RCEP F	2023	2023	0	F!E13263
RCEP F	2024	2024	0	F!F13263
RCEP F	2025	2025	0	F!G13263
RCEP F	2026	2026	0	F!H13263
RCEP F	2027	2027	0	F!I13263
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12306
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12306
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12306
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12306

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8443.99 có 4 dòng thuế; dòng 8443.99.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8443.99.10 Của máy in kiểu lưới dùng để sản xuất tấm mạch in hoặc tấm dây in; 8443.99.20 Hộp mực in đã có mực in; 8443.99.30 Bộ phận cung cấp giấy; bộ phận sắp xếp giấy	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8443.99.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8443.99.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13928), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.